TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS - ST

Ngày: 06/02/2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lil.

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:* Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST – DS, ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị N, sinh năm 1995;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngư, sinh năm 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2022)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Chí G, sinh năm 1982;

Bà Nguyễn Tuyết B, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

(bà Ngư có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông G bà B vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/5/2022 chị N có cho vợ chồng bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G vay số tiền 70.000.000đ, lãi suất 5%/tháng. Khi vay bà B và ông G có viết biên nhận nợ, chị N đã cung cấp cho Tòa án. Từ khi vay, bà B, ông G không trả lãi cũng như vốn cho chị N. Nay bà yêu cầu bà B, ông G giao trả số tiền vốn vay 70.000.000đ cho chị N. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/11/2022 bà Nguyễn Tuyết B trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Ngư. Bà xác định trước đây bà có vay tiền của chị N số tiền 70.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, nhưng bà không nhớ đã trả lãi cho chị N bao nhiêu. Bà thừa nhận biên nhận nợ đề ngày 01/5/2022 thể hiện bà và ông G có vay của chị N số tiền 70.000.000đ, đúng là chữ ký của bà. Nay bà đồng ý giao trả theo yêu cầu của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị N đối với bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G.

Buộc bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G giao trả cho chị Tống Thị N số tiền 70.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Tống Thị N không phải chịu. Bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G phải nộp án phí số tiền 3.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Tống Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G giao trả tiền vay còn thiếu. Bà B và ông G có địa chỉ cư trú tại tại xã Long Điền

Tây, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Tống Thị N yêu cầu bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G giao trả số tiền vay còn thiếu 70.000.000đ. Đây là tranh chấp về giao dịch hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, nên khi phát sinh tranh chấp được Bộ luật này điều chỉnh.

Bà Nguyễn Tuyết B thừa nhận vào ngày 01/5/2022 bà và chồng là ông Trần Chí G có vay của chị Tống Thị N số tiền 70.000.000đ và đồng ý giao trả. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật, không cần phải chứng minh. Nên cần buộc bà B và ông G giao trả cho chị N số tiền 70.000.000đ là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Tống Thị N không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ bà Nguyễn Thị Ngư đại diện cho chị N đã nộp theo biên lai thu số 0009703 ngày 28/11/2022 được hoàn lại đủ. Bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G phải nộp án phí số tiền: 70.000.000đ x 5% = 3.500.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị N đối với bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G.

Buộc bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G giao trả cho chị Tống Thị N số tiền 70.000.000đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Tống Thị N không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ bà Nguyễn Thị Ngư đại diện cho chị N đã nộp theo biên lai thu số 0009703 ngày 28/11/2022 được hoàn lại đủ. Bà Nguyễn Tuyết B và ông Trần Chí G phải nộp án phí số tiền 3.500.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý